TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **84**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14/12/2023.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đường Anh Sơn;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng;
Ông Huỳnh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 429/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đào Văn Q, sinh ngày 10/7/1982;
Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 02/9/1984;
Địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
Nơi cư trú: Tổ A, khu phố H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.
(*Ông Q và bà H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Đào Văn Q trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Q và bà Nguyễn Thị H kết hôn với nhau vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14, ngày 06/6/2003.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại nhà ở thuộc xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Đến tháng 3/2020, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, nguyên do tính tình của hai người không

hợp nhau. Ông nhiều lần khuyên can để vợ chồng tìm cách hàn gắn nhưng không đạt được. Từ tháng 10/2022 cho đến nay vợ chồng đã không còn sống chung với nhau. Ông và con trai lớn Đào Văn T sinh sống ở xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Hiện bà H và con trai nhỏ Đào Duy K đang sinh sống ở thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 02 cháu là Đào Văn T, sinh ngày 08/4/2004 và Đào Duy K, sinh ngày 16/01/2014. Khi ly hôn, ông đồng ý giao cháu K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông không phải cấp dưỡng cho con. Đối với cháu T đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q khai không có.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị H trong quá trình tham gia tố tụng trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Đào Văn Q kết hôn với nhau vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, nguyên do tính tình của hai người không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 10/2022 cho đến nay vợ chồng đã không còn sống chung với nhau. Ông Q và con trai lớn Đào Văn T sinh sống ở xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Bà và con trai út Đào Duy K đang sinh sống ở thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà đồng ý ly hôn với ông Q.

Về con chung: Có 02 cháu là Đào Văn T, sinh ngày 08/4/2004 và Đào Duy K, sinh ngày 16/01/2014. Khi ly hôn, bà H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng cho con. Đối với cháu T đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đào Văn Q, bà Nguyễn Thị H đồng ý ly hôn nên ghi nhận ông Q và bà H thuận tình ly hôn; về con chung giao cháu Đào Duy K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Q không phải cấp dưỡng cho con, cháu Đào Văn T đã thành niên nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung, nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét do ông Q, bà H đều khai không có và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Đào Văn Q có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị H, nơi cư trú của bà H tại nhà không số, tổ A, khu phố H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn ông Đào Văn Q, bị đơn bà Nguyễn Thị H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Văn Q và bà Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14, ngày 06/6/2003; căn cứ vào các Điều 11, 12, 13 và 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa ông Q và bà H được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Q là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, thực hiện các công việc trong gia đình; tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng ông Q, bà H đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 10/2022 cho đến nay hai người đã không còn sống chung với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự hàn gắn, nhưng ông Q có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, chứng tỏ ông Q không muốn hàn gắn giữa hai bên, còn bà H cũng đồng ý ly hôn với ông Q. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa ông Q và bà H đã lâm vào trình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của ông Q là có căn cứ, đồng thời bà H cũng đồng ý ly hôn, nên ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa các đương sự theo quy định tại Điều 55, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Giữa ông Q và bà H có 02 con chung là Đào Văn T, sinh ngày 08/4/2004 và Đào Duy K, sinh ngày 16/01/2014. Khi ly hôn, ông Q đồng ý giao cháu K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, bà H đồng ý nuôi dưỡng cháu K; tạm thời ông Q không phải cấp dưỡng cho con. Đối với cháu T đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của bà H là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của cháu K là được ở với mẹ. Do vậy căn cứ theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu K cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về nghĩa vụ cấp dưỡng tạm thời ông Q không phải cấp dưỡng cho con do bà H không yêu cầu; ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với cháu Đào Văn T, sinh ngày 08/4/2004 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q và bà H đều khai tài sản chung và nợ chung không có, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Đào Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 11, 12, 13, 14, 89 và 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn Q về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông Đào Văn Q và bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Giao cháu Đào Duy K, sinh ngày 16/01/2014 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; tạm thời ông Đào Văn Q không phải cấp dưỡng cho con. Đối với cháu Đào Văn T, sinh ngày 08/4/2004 đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q và bà H đều khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Ông Đào Văn Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005614 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Đức, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên (Giấy CNKH số 14, ngày 06/6/2003);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đường Anh Sơn